Số: 564/TB-UBND
Thời gian ký: 2026-09-14T16:11:55+07:00

Phụ lục 2.12

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công thương

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Quyết Thắng)

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện**			
1	1	2.001.313	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01/QĐ-BCT	
2	2	2.001.322	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	628 /QĐ-BCT	
3	3	2.001.384	Phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	2866/QĐ-BCT	
4	4	2.001.300	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	628 /QĐ-BCT	
5	5	2.001.292	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	628 /QĐ-BCT	
6	6	1.013.400	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	628 /QĐ-BCT	
7	7	1.013.399	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	628 /QĐ-BCT	
8	8	1.013.398	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	628 /QĐ-BCT	
II		**An toàn thực phẩm**			
9	1	2.001.660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	3783/QĐ-BCT	
10	2	2.001.682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	3783/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
11	3	2.001.595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	926/QĐ-BCT	
12	4	2.000.591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	926/QĐ-BCT	
13	5	2.000.535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	926/QĐ-BCT	
14	6	2.000.115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	3783/QĐ-BCT	
15	7	2.000.117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	3783/QĐ-BCT	
16	8	1.003.951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1781/QĐ-BCT	
17	9	1.003.929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	1781/QĐ-BCT	
18	10	1.003.860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	3783/QĐ-BCT	
III		**An toàn vệ sinh lao động**			
19	1	2.000.066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	1752/QĐ-BCT	
20	2	2.000.140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	1752/QĐ-BCT	
IV		**Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**			
21	1	2.000.191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	1781/QĐ-BCT	
V		**Công nghiệp hỗ trợ**			
22	1	1.014.820	Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	179/QĐ-BCT	
23	2	1.014.818	Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	179/QĐ-BCT	
24	3	1.001.158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	179/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
VI		**Công nghiệp tiêu dùng**			
25	1	2.000.209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	1781/QĐ-BCT	
26	2	1.001.335	Chấp thuận Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	1040/QĐ-BCT	
27	3	1.000.981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1040/QĐ-BCT	
28	4	1.000.949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	1040/QĐ-BCT	
29	5	1.000.948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1781/QĐ-BCT	
30	6	1.000.911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1781/QĐ-BCT	
31	7	1.000.363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	1781/QĐ-BCT	
32	8	1.000.172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	1040/QĐ-BCT	
VII		**Cụm Công nghiệp**			
33	1	1.012.427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	1040/QĐ-BCT	
VIII		**Chất lượng sản phẩm hàng hóa**			
34	1	2.000.046	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	1781/QĐ-BCT	
IX		**Dầu khí**			
35	1	1.013.987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	555/QĐ-BCT	
X		**Điện**			
36	1	1.013.419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	
37	2	1.013.420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	1040/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
38	3	1.013.421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	623/QĐ-BCT	
39	4	1.013.418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	
40	5	1.013.416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	
41	6	1.013.412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	
42	7	1.013.411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	
43	8	1.013.417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	1040/QĐ-BCT	
44	9	1.013.401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1040/QĐ-BCT	
XI		**Điện lực**			
45	1	3.000.620	Điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	1787/QĐ-BCT	
46	2	3.000.619	Chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	1787/QĐ-BCT	
47	3	5.003.863	Thủ tục Điều chỉnh cập nhật phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh	1733/QĐ-BCT	
48	4	2.002.676	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp từ trung áp trở lên	1537/QĐ-BCT	
49	5	1.013.394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	3783/QĐ-BCT	
50	6	1.013.395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	609/QĐ-BCT	
51	7	1.013.004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	1537/QĐ-BCT	
52	8	1.013.005	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	1537/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
XII		**Giám định thương mại**			
53	1	2.000.110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	3783/QĐ-BCT	
54	2	1.005.190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	3783/QĐ-BCT	
XIII		**Hóa chất**			
55	1	2.002.836	Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	87/QĐ-BCT	
56	2	2.002.834	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	
57	3	1.014.734	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	
58	4	1.014.732	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	
59	5	1.014.731	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	87/QĐ-BCT	
60	6	1.014.733	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	
61	7	1.014.735	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	
62	8	1.014.728	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1213/QĐ-BCT	
63	9	1.014.725	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	
64	10	1.014.730	Thủ tục cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	87/QĐ-BCT	
65	11	1.014.722	Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	
66	12	1.014.727	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
67	13	1.014.724	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	
68	14	1.014.723	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	
69	15	1.014.721	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	
70	16	1.014.726	Thủ tục cấp điều chỉnh Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	
71	17	1.014.729	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	87/QĐ-BCT	
72	18	1.014.714	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	
73	19	1.014.712	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (Phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh)	1213/QĐ-BCT	
74	20	1.014.708	Thủ tục cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	1213/QĐ-BCT	
75	21	1.014.709	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	1213/QĐ-BCT	
76	22	1.014.710	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	
77	23	1.014.711	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (Phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1213/QĐ-BCT	
78	24	1.014.713	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1213/QĐ-BCT	
79	25	1.014.720	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện	1213/QĐ-BCT	
80	26	1.014.707	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	1213/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
81	27	1.014.703	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1213/QĐ-BCT	
82	28	1.014.702	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1213/QĐ-BCT	
83	29	1.014.701	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1213/QĐ-BCT	
84	30	1.014.700	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1213/QĐ-BCT	
85	31	1.003.683	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	1213/QĐ-BCT	
XIV		**Hội nhập kinh tế quốc tế**			
86	1	1.115.398	Phê duyệt đề xuất sửa đổi hoặc ngừng thực hiện đề xuất hỗ trợ của Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA	1546/QĐ-BCT	
87	2	1.115.397	Phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA	1546/QĐ-BCT	
XV		**Kinh doanh khí**			
88	1	1.000.709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	1177/QĐ-BCT	
89	2	1.000.649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	1177/QĐ-BCT	
90	3	1.000.510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	1177/QĐ-BCT	
91	4	1.000.481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	1177/QĐ-BCT	
92	5	1.000.475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	1177/QĐ-BCT	
93	6	1.000.491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	1177/QĐ-BCT	
94	7	1.000.455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	1177/QĐ-BCT	
95	8	1.000.425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	1177/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
96	9	1.000.387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	1177/QĐ-BCT	
97	10	1.000.444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	1177/QĐ-BCT	
XVI		**Khoáng sản**			
98	1	1.014.125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	1213/QĐ-BCT	
99	2	1.014.127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	1213/QĐ-BCT	
100	3	1.014.126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	1213/QĐ-BCT	
101	4	1.013.652	Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1213/QĐ-BCT	
XVII		**Lưu thông hàng hóa trong nước**			
102	1	2.000.673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	
103	2	2.000.672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	
104	3	2.000.666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	985/QĐ-BCT	
105	4	2.000.669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	
106	5	2.000.648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	
107	6	2.000.647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	
108	7	2.000.664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	985/QĐ-BCT	
109	8	2.000.645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	1040/QĐ-BCT	
110	9	1.010.696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	2729/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
XVIII		**Nghề thủ công mỹ nghệ**			
111	1	1.012.471	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	1200/QĐ-BCT	
XIX		**Quản lý bán hàng đa cấp**			
112	1	2.001.573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	1298/QĐ-BCT	
113	2	2.000.631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	1298/QĐ-BCT	
114	3	2.000.609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	1298/QĐ-BCT	
115	4	2.000.324	Kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	1298/QĐ-BCT	
116	5	2.000.309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	1298/QĐ-BCT	
117	6	1.003.705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	1298/QĐ-BCT	
XX		**Sở giao dịch hàng hóa**			
118	1	2.002.817	Cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam	3697/QĐ-BCT	
119	2	2.002.818	Chấp thuận tổ chức đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ	3697/QĐ-BCT	
120	3	1.014.572	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam	3697/QĐ-BCT	
121	4	1.014.571	Cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam	3697/QĐ-BCT	
XXI		**Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý**			
122	1	1.012.567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	1825/QĐ-BCT	
XXII		**Thương mại biên giới và miền núi**			
123	1	2.001.272	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào	3783/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
XXIII		**Thương mại điện tử**			
124	1	5.003.861	Thủ tục Lấy ý kiến thẩm định của Bộ Công an bằng văn bản về an ninh quốc gia	1615/QĐ-BCT	
125	2	1.115.422	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	1617/QĐ-BCT	
126	3	1.115.421	Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	1617/QĐ-BCT	
127	4	1.115.420	Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	1617/QĐ-BCT	
128	5	1.115.419	Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	1617/QĐ-BCT	
129	6	1.115.418	Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	1617/QĐ-BCT	
130	7	1.115.417	Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	1617/QĐ-BCT	
XXIV		**Thương mại quốc tế**			
131	1	2.002.166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	1040/QĐ-BCT	
132	2	2.000.662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	1040/QĐ-BCT	
133	3	2.000.665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2866/QĐ-BCT	
134	4	2.000.450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	01/QĐ-BCT	
135	5	2.000.370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	1040/QĐ-BCT	
136	6	2.000.361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1040/QĐ-BCT	
137	7	2.000.362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	1040/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
138	8	2.000.351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	1040/QĐ-BCT	
139	9	2.000.347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	
140	10	2.000.340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	3783/QĐ-BCT	
141	11	2.000.339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2866/QĐ-BCT	
142	12	2.000.327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	01/QĐ-BCT	
143	13	2.000.330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	1040/QĐ-BCT	
144	14	2.000.334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2	2866/QĐ-BCT	
145	15	2.000.314	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	01/QĐ-BCT	
146	16	2.000.322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	1040/QĐ-BCT	
147	17	2.000.272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	1040/QĐ-BCT	
148	18	2.000.255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa trừ các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí)	1040/QĐ-BCT	
149	19	2.000.129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
150	20	2.000.063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	
151	21	1.001.441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1040/QĐ-BCT	
152	22	1.000.774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1040/QĐ-BCT	
153	23	1.000.361	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1781/QĐ-BCT	
154	24	1.000.376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	
155	25	1.000.358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1781/QĐ-BCT	
156	26	1.000.168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1781/QĐ-BCT	
XXV		**Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm**			
157	1	1.013.350	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	1213/QĐ-BCT	
158	2	1.013.351	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	1213/QĐ-BCT	
159	3	1.013.340	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	1213/QĐ-BCT	
XXVI		**Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**			
160	1	2.001.575	Cấp Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	
161	2	2.001.434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1781/QĐ-BCT	
162	3	2.001.433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1781/QĐ-BCT	
163	4	2.000.578	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	
164	5	2.000.229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	2866/QĐ-BCT	
165	6	2.000.210	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	2866/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
166	7	2.000.221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	03/QĐ-BCT	
167	8	2.000.172	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	03/QĐ-BCT	
168	9	1.013.058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1781/QĐ-BCT	
169	10	1.013.050	Đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	
170	11	1.013.049	Đăng ký mới để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	
171	12	1.003.698	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp	1213/QĐ-BCT	
172	13	1.003.401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	2866/QĐ-BCT	
173	14	1.000.998	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	1781/QĐ-BCT	
174	15	1.000.965	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	1781/QĐ-BCT	
XXVII		**Xuất nhập khẩu**			
175	1	1.115.117	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu UAE-VN	1553/QĐ-BCT	
176	2	2.001.372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	771/QĐ-BCT	
177	3	2.001.315	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục	1213/QĐ-BCT	
178	4	2.001.282	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	1177/QĐ-BCT	
179	5	2.001.192	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	1213/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
180	6	2.000.654	Thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	1213/QĐ-BCT	
181	7	2.000.517	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh	1213/QĐ-BCT	
182	8	2.000.521	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia	1213/QĐ-BCT	
183	9	2.000.303	Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI	771/QĐ-BCT	
184	10	2.000.260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	1213/QĐ-BCT	
185	11	2.000.006	Cấp phép quá cảnh hàng hoá của Công hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam	1213/QĐ-BCT	
186	12	1.014.119	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	1213/QĐ-BCT	
187	13	1.013.778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	2040/QĐ-BCT	
188	14	1.013.982	Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam	1213/QĐ-BCT	
189	15	1.013.642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	1213/QĐ-BCT	
190	16	1.013.643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	1213/QĐ-BCT	
191	17	1.013.771	Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	1177/QĐ-BCT	
192	18	1.012.527	Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương	1040/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
193	19	1.012.168	Cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	1040/QĐ-BCT	
194	20	1.010.056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	937/QĐ-BCT	
195	21	1.008.882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	1213/QĐ-BCT	
196	22	1.010.762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	771/QĐ-BCT	
197	23	1.008.361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	1213/QĐ-BCT	
198	24	1.007.968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu AHK	1213/QĐ-BCT	
199	25	1.008.667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	771/QĐ-BCT	
200	26	1.005.406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	
201	27	1.005.405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	
202	28	1.004.191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	1781/QĐ-BCT	
203	29	1.003.477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	1213/QĐ-BCT	
204	30	1.003.522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	1213/QĐ-BCT	
205	31	1.003.400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	1213/QĐ-BCT	
206	32	1.002.939	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới	3783/QĐ-BCT	
207	33	1.002.960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	1213/QĐ-BCT	
208	34	1.002.808	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài	1213/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
209	35	1.001.383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	1213/QĐ-BCT	
210	36	1.001.379	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	1213/QĐ-BCT	
211	37	1.001.382	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	1213/QĐ-BCT	
212	38	1.001.274	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	1213/QĐ-BCT	
213	39	1.001.051	Cấp giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý	1213/QĐ-BCT	
214	40	1.001.238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	2040/QĐ-BCT	
215	41	1.001.104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	2866/QĐ-BCT	
216	42	1.001.062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	2040/QĐ-BCT	
217	43	1.000.957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	2040/QĐ-BCT	
218	44	1.000.905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	2040/QĐ-BCT	
219	45	1.000.890	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	2040/QĐ-BCT	
220	46	1.000.694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	771/QĐ-BCT	
221	47	1.000.676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	1213/QĐ-BCT	
222	48	1.000.686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	771/QĐ-BCT	
223	49	1.000.665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	771/QĐ-BCT	
224	50	1.000.678	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm Campuchia	1213/QĐ-BCT	
225	51	1.000.695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E	1213/QĐ-BCT	
226	52	1.000.603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	771/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
227	53	1.000.664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC	1213/QĐ-BCT	
228	54	1.000.490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu A	1213/QĐ-BCT	
229	55	1.000.477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	2040/QĐ-BCT	
230	56	1.000.450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B	1213/QĐ-BCT	
231	57	1.000.421	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	2040/QĐ-BCT	
232	58	1.000.430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	1213/QĐ-BCT	
233	59	1.000.432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	771/QĐ-BCT	
234	60	1.000.400	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	3666/QĐ-BCT	
235	61	1.000.382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	771/QĐ-BCT	
236	62	1.000.431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	771/QĐ-BCT	
237	63	1.000.366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	1213/QĐ-BCT	
238	64	1.000.398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	1213/QĐ-BCT	
239	65	1.000.350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1040/QĐ-BCT	
240	66	1.000.264	Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	2502/QĐ-BCT	
241	67	1.116.351	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa	2040/QĐ-BCT	
242	68	2.001.282	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện áp dụng biện pháp tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu	2040/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
243	69	1.004.191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép: kinh doanh tạm nhập, tái xuất; tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác; tạm xuất, tái nhập; kinh doanh chuyển khẩu	2040/QĐ-BCT	
244	70	1.013.771	Thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa thuộc diện hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu	2040/QĐ-BCT	
245	71	2.001.192	Thủ tục cấp Giấy phép gia công quân phục xuất khẩu cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	2040/QĐ-BCT	
246	72	2.001.315	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu phục vụ hoạt động gia công	2040/QĐ-BCT	
247	73	1.002.808	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép gia công quân phục và Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu	2040/QĐ-BCT	
XXVIII		**Xúc tiến thương mại**			
241	1	1.115.400	Chấm dứt hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng	1546/QĐ-BCT	
242	2	1.115.399	Thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng	1546/QĐ-BCT	
243	3	2.002.608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	
244	4	2.002.607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	
245	5	2.002.604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	
246	6	2.002.605	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	
247	7	2.002.606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	
248	8	2.001.474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	1507/QĐ-BCT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
249	9	2.000.133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	1507/QĐ-BCT	
250	10	2.000.131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	
251	11	2.000.033	Thông báo hoạt động khuyến mại	1507/QĐ-BCT	
252	12	2.000.026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	1507/QĐ-BCT	
253	13	2.000.004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1507/QĐ-BCT	
254	14	2.000.001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	1507/QĐ-BCT	
255	15	2.000.002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1507/QĐ-BCT	
XXIX		**Quản lý vùng trời**			
256	1	1.014.692	Thủ tục chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	2506/QĐ-BQP	